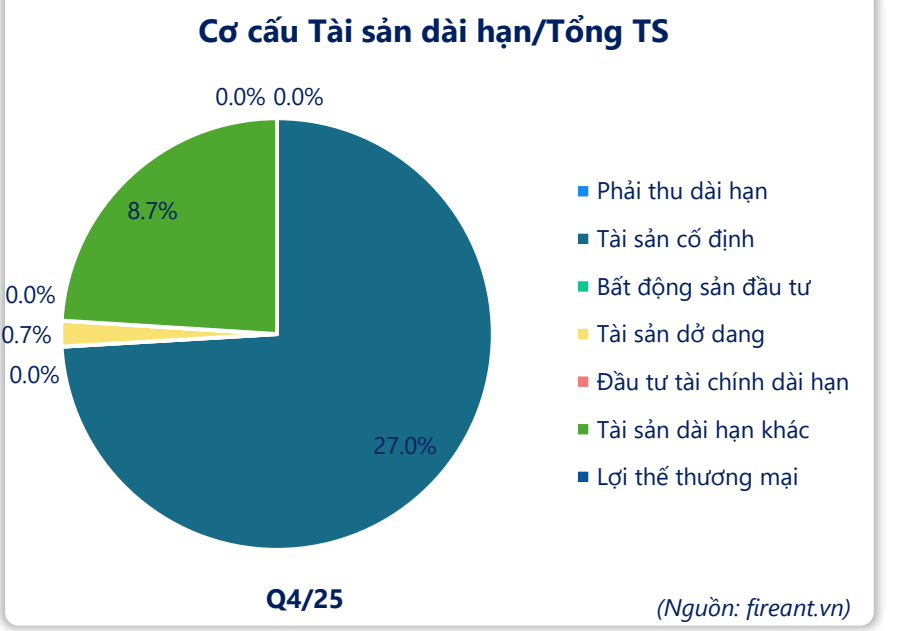
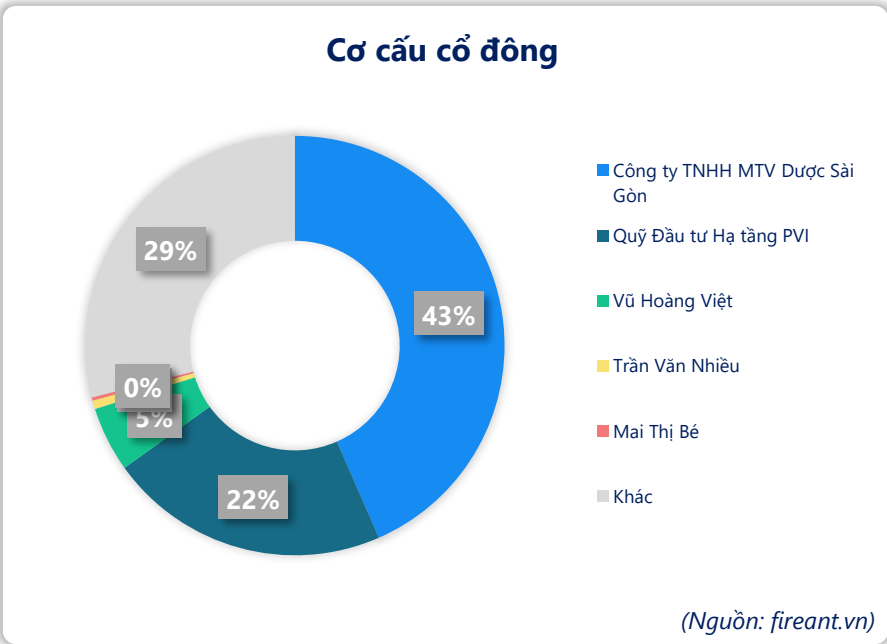
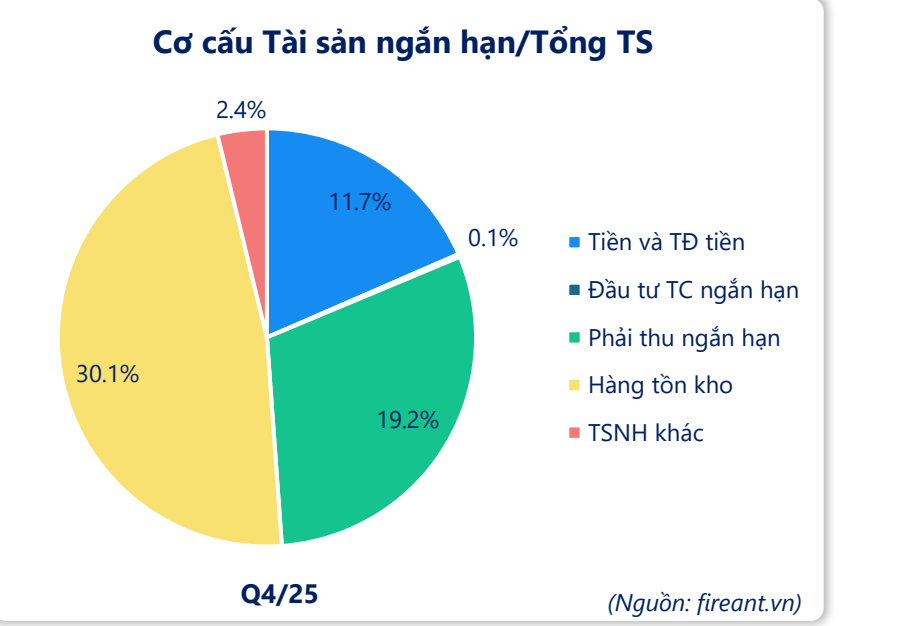
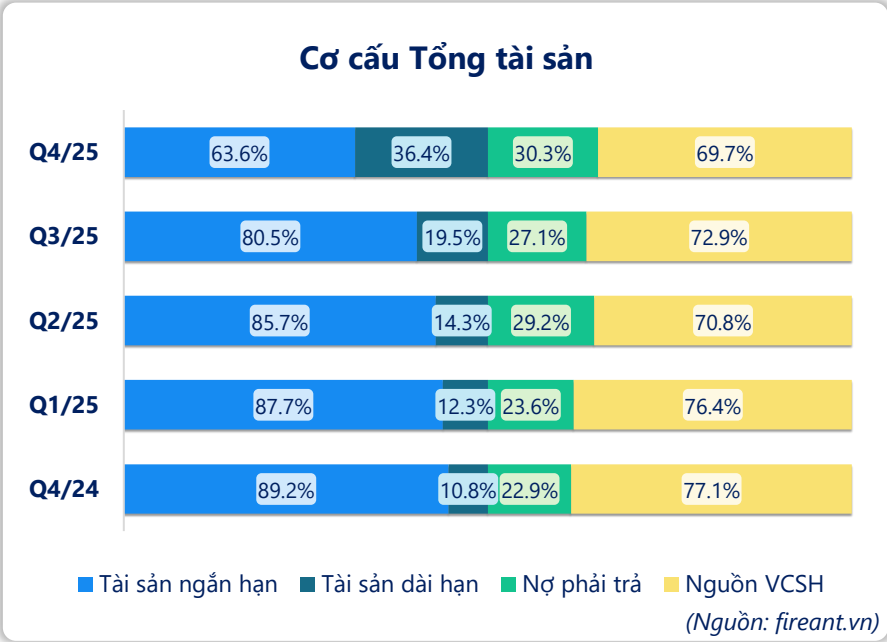
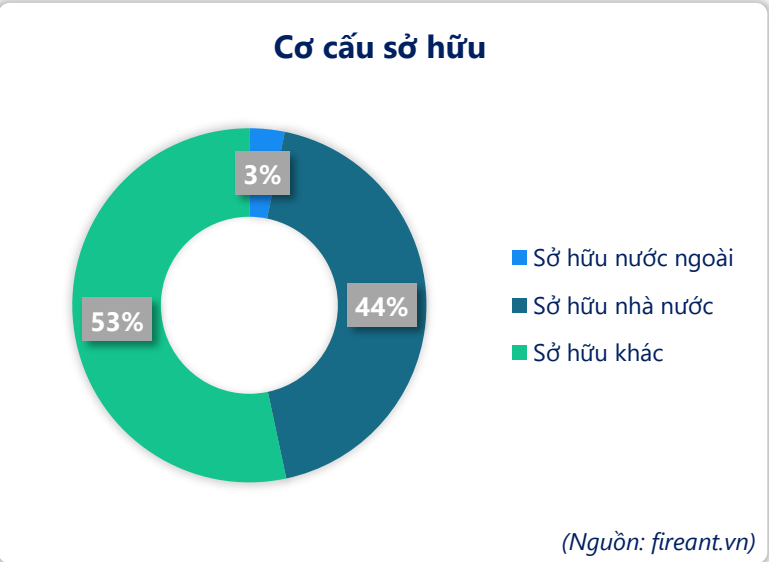
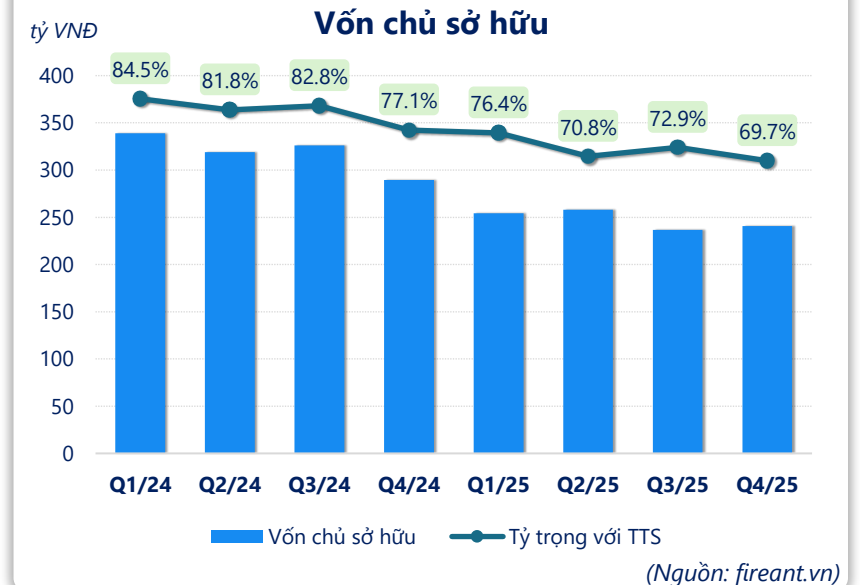
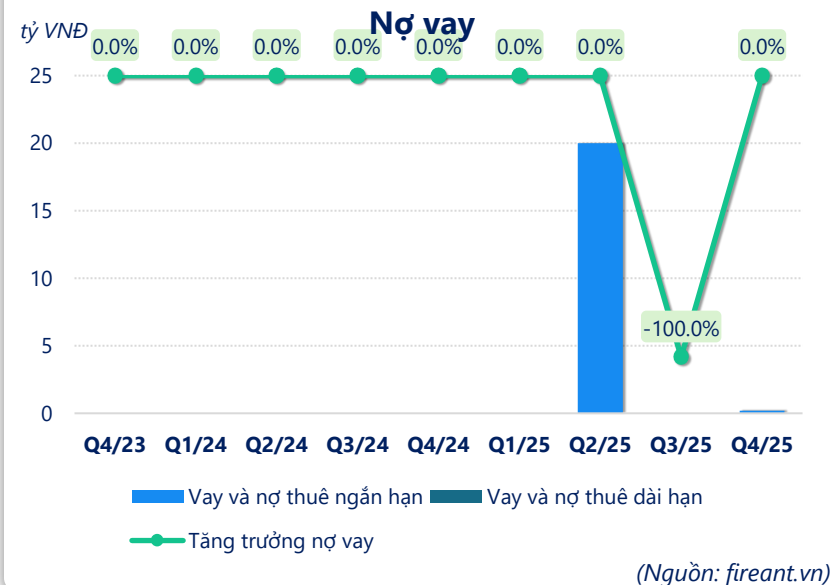
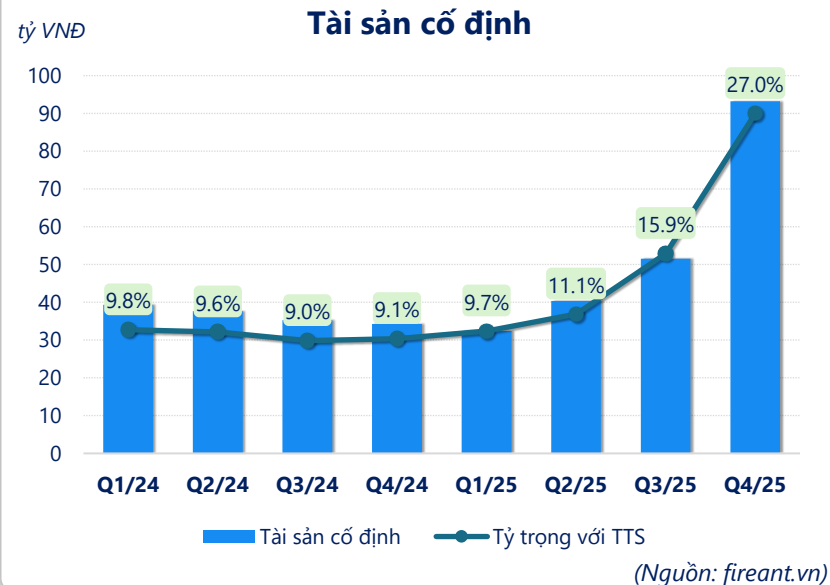
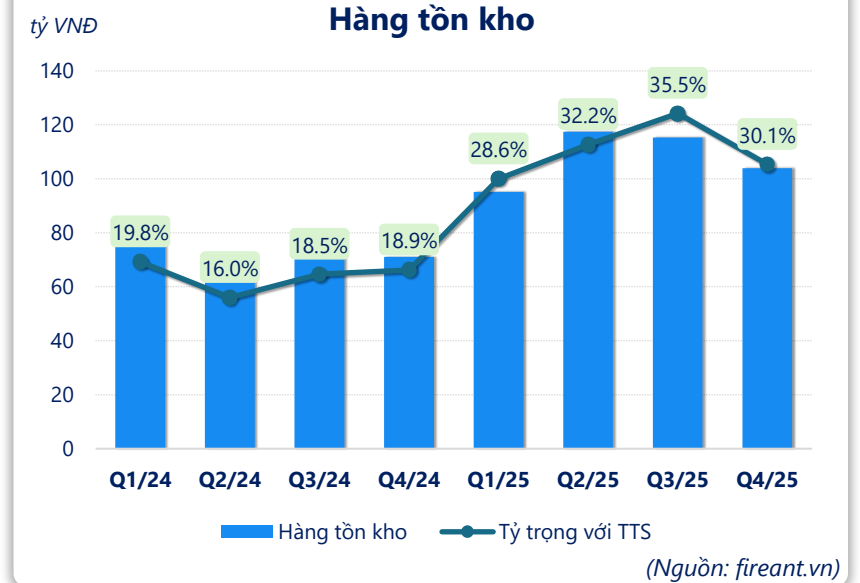
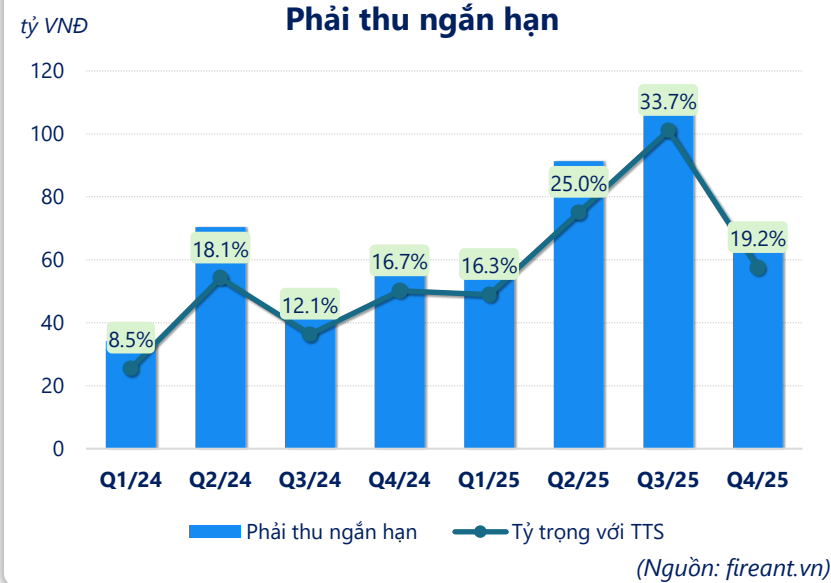
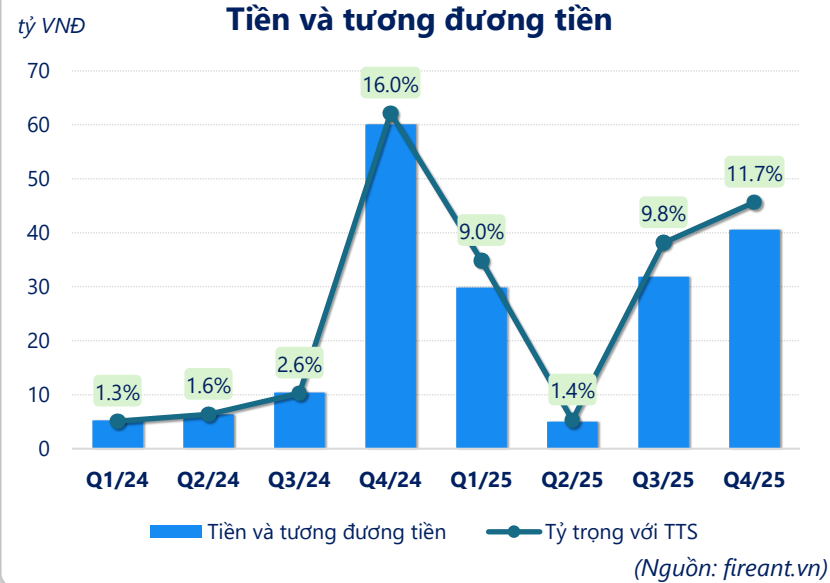
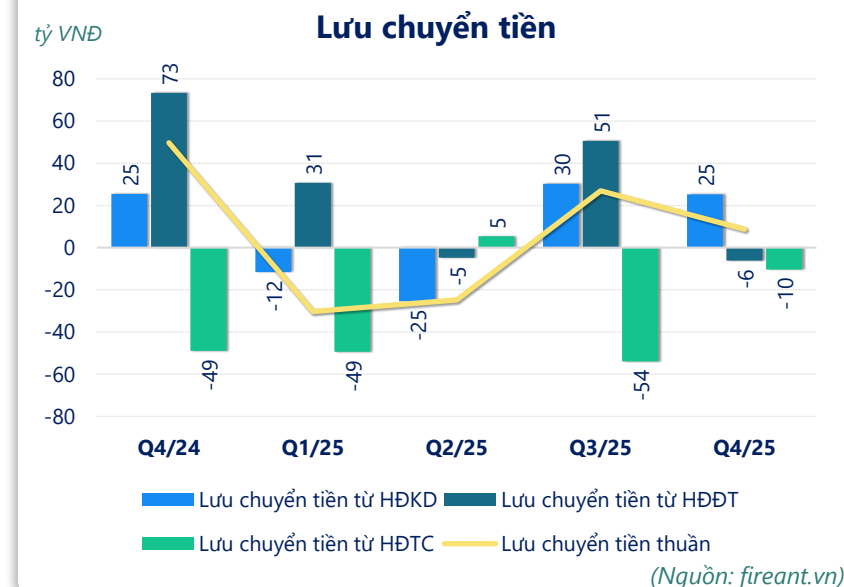
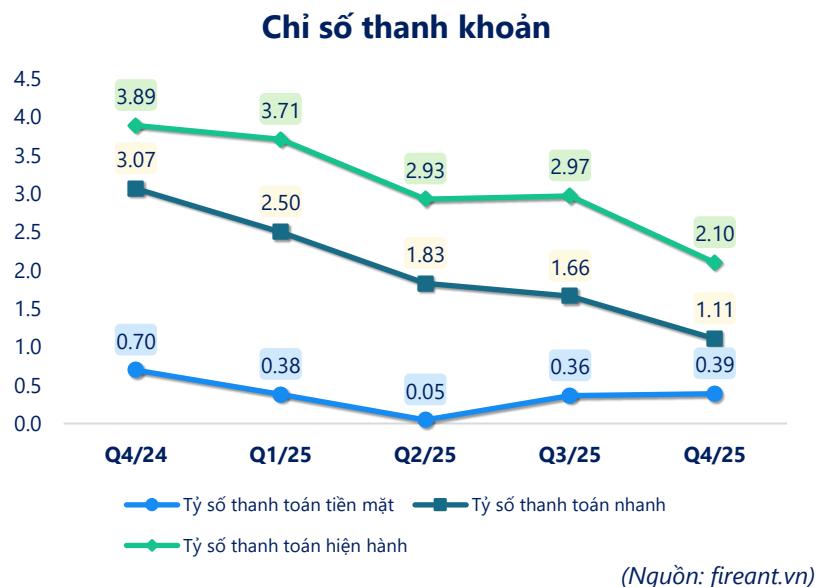
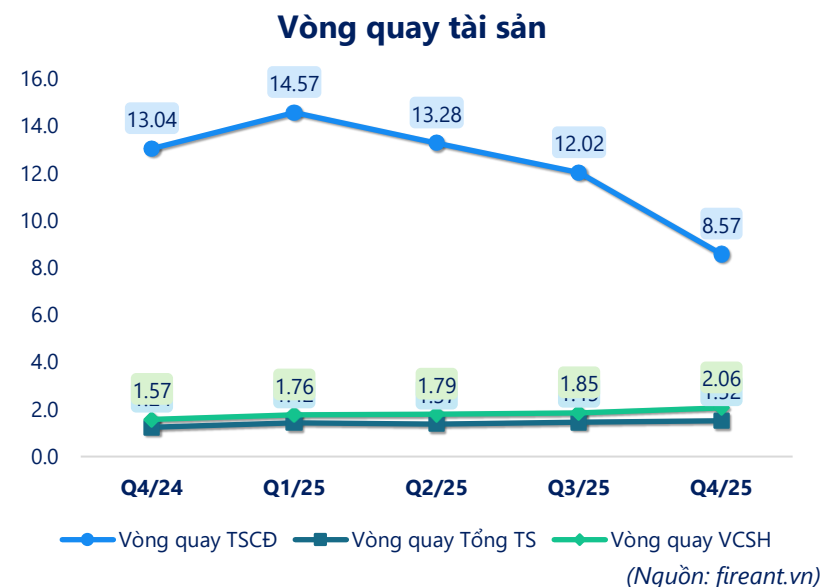
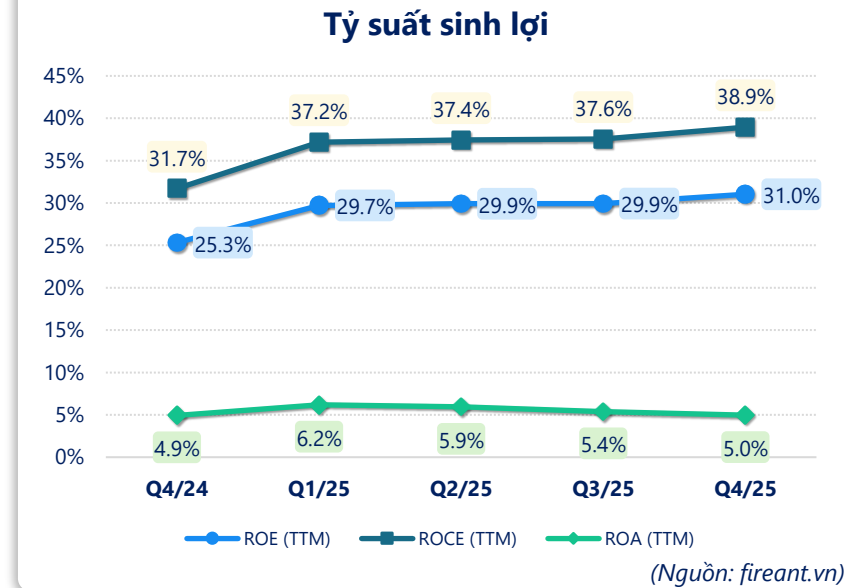
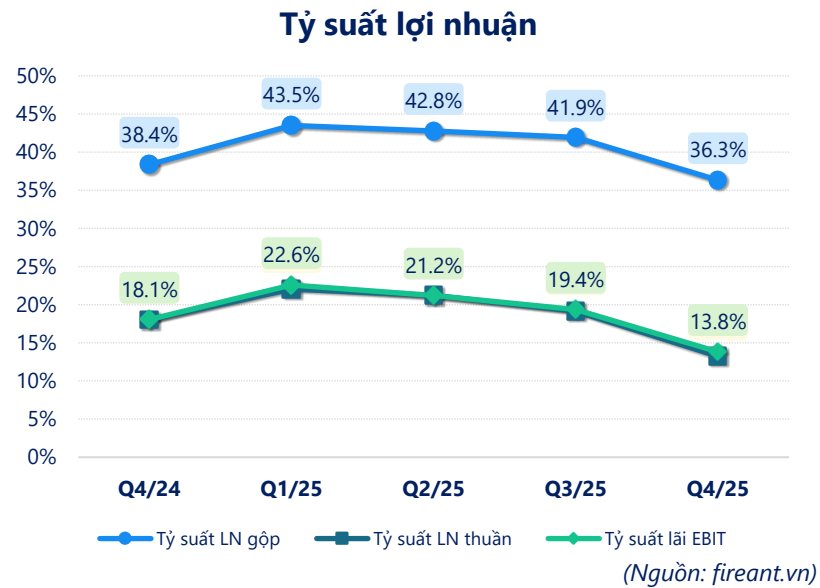
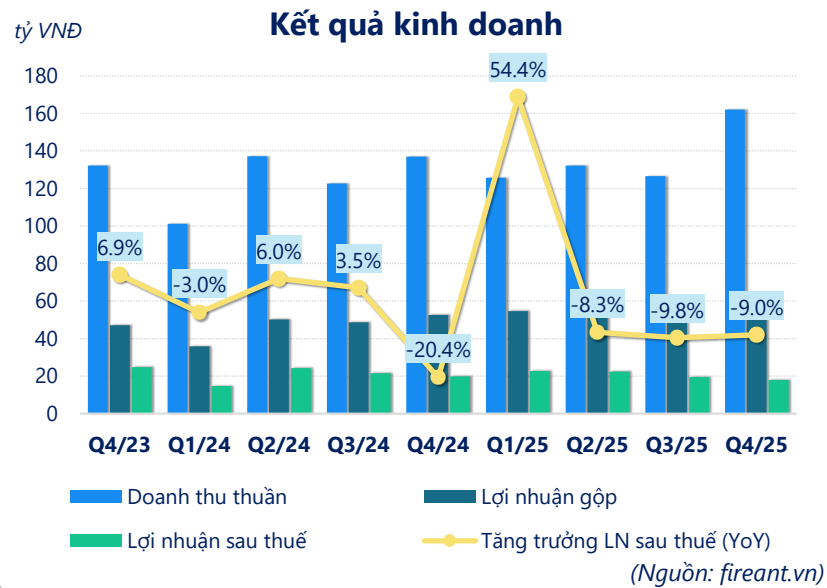


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		165,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		185,934
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		94,234
SL cổ phiếu LH		9,332,573
KLGD BQ 20 phiên (CP)		270
% sở hữu nước ngoài		3.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,542
P/E		18.7
EPS		8,819

	YTD	1T	3T	6T
PMC	65.7%	-6.8%	52.4%	56.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	345	376	-8.1%
Tài sản ngắn hạn	220	335	-34.5%
Tiền và tương đương tiền	40.6	60.1	-32.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.50	141	-99.6%
Phải thu ngắn hạn	66.2	62.8	5.5%
Hàng tồn kho	104	71.1	46.1%
Tài sản ngắn hạn khác	8.36	0.44	1814%
Tài sản dài hạn	126	40.4	211%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	93.2	34.3	172%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.42	0.07	3420%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	30.2	6.06	398%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	105	86.2	21.3%
Nợ ngắn hạn	105	86.2	21.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.18	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	28.5	16.3	75.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	241	290	-16.8%
Vốn chủ sở hữu	241	290	-16.8%
Vốn điều lệ	93.3	93.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	137	126	132	127	162
Giá vốn hàng bán	84.5	71.0	75.7	73.5	103
Lợi nhuận gộp	52.6	54.7	56.6	53.0	58.9
Doanh thu HĐTC	3.87	1.20	1.70	0.91	0.04
Chi phí TC	0	0	0.04	0.26	0
Chi phí lãi vay	0	0	0.04	0.26	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	15.4	14.8	14.7	13.0	20.5
Chi phí QLDN	16.3	13.4	15.5	16.5	16.9
LN thuần từ HĐKD	24.7	27.7	28.1	24.2	21.5
Lợi nhuận khác	0.04	0.66	-0.05	0.01	0.93
LN trước thuế	24.7	28.4	28.0	24.2	22.4
Lợi nhuận sau thuế	19.8	22.7	22.4	19.4	17.9
LNST của CĐ cty mẹ	19.8	22.7	22.4	19.4	17.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	25.3	-11.6	-25.4	30.2	25.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	73.3	30.8	-4.83	50.6	-6.22
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-48.9	-49.4	5.34	-53.9	-10.4
Tiền đầu kỳ	10.4	60.1	29.8	4.98	31.9
Lưu chuyển tiền thuần	49.7	-30.2	-24.9	26.9	8.70
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	60.1	29.8	4.98	31.9	40.6

(Nguồn: fireant.vn)